

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 05/2019/HNGD-ST

Ngày: 15/02/2019

V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Đến

Ông Huỳnh Ngọc Song

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kiên Thị Minh Hiếu là thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh-Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tr, xã Hòa L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2/ Bị đơn: Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tr, xã Hòa L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Long Tr, xã Long Đ, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Em Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 29/4/2004 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tr, xã Hòa L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:** Bà với ông Trần Văn Ch trước khi tiến đến hôn nhân có tìm hiểu nhau trước một thời gian và cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 1988, không có tổ chức lễ cưới, cũng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống với nhau, ông bà tự lập và sống hạnh phúc được một thời gian dài. Đến khoảng 03 năm trở lại đây cuộc sống vợ chồng bà có nhiều quan điểm bất đồng, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân do ông Ch có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và còn dùng lời khiếm nhã đối với bà. Đến tháng 5 năm 2018, ông Ch đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà và kể từ thời gian này bà

với ông Ch sống ly thân cho đến nay. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông Ch, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc. Nay bà H có yêu cầu được ly hôn ông Trần Văn Ch.

Về con chung: Có ba người con chung là Trần Thị Thúy H, sinh năm 1989 đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu Trần Hoàng B, sinh năm 1992 (đã chết không có vợ con) và Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 29/4/2004, khi ly hôn con muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu Quyên sống chung với bà, thì bà không yêu cầu ông Trần Văn Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Bà Lâm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn ông Trần Văn Ch trình bày:** Ông với bà H có tìm hiểu nhau trước một thời gian và cả hai tự nguyện đến đến hôn nhân vào khoản đầu tháng 01 năm 1987, cả hai không có tổ chức lễ cưới, cũng không có đăng ký kết hôn. Ông với bà H sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì ông với bà H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H không tôn trọng ông, thường xuyên xúc phạm đến ông, dẫn đến vợ chồng ông thường xuyên cự cãi, bất hòa. Nay ông xét thấy không còn tình cảm với bà H, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Đúng như lời bà H trình bày, ông với bà H có với nhau 03 người chung là Trần Thị Thúy H, sinh năm 1989 đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu Trần Hoàng B, sinh năm 1992 (đã chết không có vợ con) và Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 29/4/2004, khi ly hôn con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu Quyên sống chung với ông, thì ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Ông Trần Văn Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Chị Trần Thị Thúy H trình bày: Chị là con chung của bà H và ông Ch, nay chị đã có gia đình, việc mâu thuẫn của cha mẹ chị không có ý kiến. Việc ly hôn của cha mẹ do cha mẹ tự quyết định. Còn về tài sản của cha mẹ, chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Em Trần Thị Ngọc Q trình bày: Em là con chung của bà H và ông Ch, hiện nay em đang sống chung với cha mẹ, khi cha mẹ ly hôn em có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Lâm Thị H.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Do bà H với ông Ch về chung sống với nhau từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Nay bà H và ông Ch có yêu cầu Tòa án cho ông bà được ly hôn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Lâm Thị H và ông Trần Văn Ch là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 29/4/2004 cho bà Lâm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, về tài sản, nợ chung: nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Buộc bà Lâm Thị H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và dành quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Các vấn đề về hôn nhân, con chung bà Lâm Thị H và ông Trần Văn Ch đều thống nhất nên không cần phải chứng minh. Hai bên không thống nhất với nhau được thời gian bắt đầu sống chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Lâm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Trần Văn Ch, trú tại ấp Tr, xã Hòa L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, về con có ba người là Trần Thị Thúy H, sinh năm 1989 đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu Trần Hoàng Bửu, sinh năm 1992 (đã chết không có vợ con) và Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 29/4/2004, khi ly hôn con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “tranh chấp về ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lâm Thị H, ông Trần Văn Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được, tiến hành công khai chứng cứ vắng mặt bà H và xét xử vắng mặt họ theo quy định tại 207, 208, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lâm Thị H và ông Trần Văn Ch cùng tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, cũng không có đăng ký kết hôn. Tại buổi làm việc mặc dù Thẩm phán đã tiến hành động viên hai bên đoàn tụ về đăng ký kết hôn lại để chung sống với nhau để cùng nhau chăm lo cho con, nhưng bà H, ông Ch trình bày không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và không đồng ý đoàn tụ được và yêu cầu xin ly hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Đối chiếu với trường hợp của bà H, ông Ch không có đăng ký kết hôn, ông bà không thống nhất được với nhau về thời gian sống chung, ông Ch không có chứng cứ chứng minh ông với bà H sống với nhau đầu tháng 1 năm 1987, riêng

bà H cho rằng ông bà sống chung với nhau từ năm 1988, sau 01 năm bà sinh con là chị Hương, đối chiếu năm sinh của chị Hương là năm 1989. Như vậy lời khai của bà H có căn cứ là bà với ông Ch sống chung với nhau từ năm 1988. Do đó việc chung sống với nhau của ông bà bắt đầu từ năm 1988 không phải hôn nhân thực tế, chỉ chung sống với nhau như vợ chồng, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận bà Lâm Thị H và ông Trần Văn Ch là vợ chồng.

Về con chung: Bà Lâm Thị H với ông Trần Văn Ch có với nhau 03 người chung là Trần Thị Thúy H, sinh năm 1989 đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu Trần Hoàng Bửu, sinh năm 1992 (đã chết không có vợ con) và Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 29/4/2004. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Thị Ngọc Q có nguyện vọng được sống chung với bà H. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại Hội phụ nữ xã Hòa L về vấn đề hôn nhân, con chung của bà H và ông Ch thì được Chủ tịch Hội phụ nữ xã cho biết để tránh làm thay đổi tâm sinh lý của bé nên giao cho bà H là mẹ của bé tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặt khác, ông Ch cũng có ý kiến đồng ý để con chung cho bà H nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 29/4/2004 cho bà Lâm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, mặc dù Tòa án đã có phân tích về việc người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà H vẫn không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Không công nhận bà Lâm Thị H với ông Trần Văn Ch là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 29/4/2004 cho bà Lâm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Thị H không yêu cầu ông Trần Văn Ch cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Thị Ngọc Q, Hội đồng xét xử không xét đến.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con

4/ Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

5/ Về án phí: Bà Lâm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019979 ngày 07/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Lâm Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương văn Đến – Huỳnh Ngọc Song

Nguyễn Phú Hiệp

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa L;
- Lưu;

Nguyễn Phú Hiệp